

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 11 tháng 9 năm 2017  
*V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đồng Thị Thanh Hương;
2. Bà Nguyễn Thị Thịnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thùy Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX- ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1990; Trú tại: đường C, phố 6, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

***- Bị đơn:*** Anh Lê Văn S, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: Trú tại: đường C, phố 6, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nh.

Tại phiên tòa: chị Th có mặt, anh S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2017 của nguyên đơn là chị Trần Thị Th và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh Lê Văn S đăng ký kết hôn ngày 04/02/2010 tại UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cố gắng khuyên nhủ anh S quan tâm đến gia đình nhưng anh S vẫn sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không quan tâm đến chị. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn S để chị ổn định cuộc sống. Về con chung: anh chị có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Công V, sinh ngày 28/10/2010; cháu bé tên là Lê Kim A, sinh ngày 21/6/2015. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 2 cháu, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh S đang bị tạm giam, không thể kiếm tiền nuôi con, còn chị mở cửa hàng kinh doanh, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên đủ khả năng nuôi con. Về tài sản chung, về công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 15/8/2017, bị đơn là anh Lê Văn S trình bày:*

Anh và chị Th đăng ký kết hôn ngày 04/02/2010 tại UBND phường Đ, thành phố N, Ninh Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh và chị Th đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị Th nên anh nhất trí ly hôn với chị Th. Về con chung: anh chị có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Công V, sinh ngày 28/10/2010, cháu bé tên là Lê Kim A, sinh ngày 21/6/2015. Nay ly hôn, anh đồng ý để chị Th được nuôi dưỡng cả 2 cháu, nếu chị Th không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng nhất trí, nếu chị Th đề nghị Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật thì anh cũng nhất trí. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh S trình bày: Do hiện nay anh S đang bị tạm giam nên không thể có mặt tại Tòa án. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Th xin được ly hôn anh S và nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Th; Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Lê Văn S; Về con chung: Giao cháu Lê Công V, sinh ngày

28/10/2010 và cháu Lê Kim A, sinh ngày 21/6/2015 cho chị Trần Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Về tài sản chung, công nợ chung: anh S chị Th không đề nghị giải quyết; Chị Th phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/8/2017, UBND phường Đ, thành phố N cung cấp như sau: Vợ chồng anh S, chị Th không có xích mích hay đánh chửi nhau đến mức chính quyền địa phương phải can thiệp. Hiện nay anh S đang bị tạm giam do vi phạm pháp luật. Anh S và chị Th ly thân khoảng mấy năm nay, mặc dù đã được chính quyền địa phương thuyết phục nhưng anh S chị Th vẫn sống ly thân. Về việc tranh chấp nuôi con trong gia đình anh S chị Th địa phương không biết. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình nhận định:

[Tại phiên tòa, anh Lê Văn S vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung].

[Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Lê Văn S đăng ký kết hôn ngày 04/02/2010 tại UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình do tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, quan điểm sống, tính tình không hợp. Hiện nay tình nghĩa vợ chồng giữa chị Th và anh S không còn vì không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho ly hôn giữa chị Th và anh S là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình].

[Về nuôi con chung: Chị Th và anh S có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Công V, sinh ngày 28/10/2010, cháu bé tên là Lê Kim A, sinh ngày 21/6/2015. Tại Biên bản lấy lời khai, cháu Lê Công V có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Anh S cũng đồng ý để chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu Kim A. Chị Th có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu V và cháu Kim A. Vì vậy, căn cứ vào nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên Tòa án giao cho chị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Công V và cháu Lê Kim A kể

từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu V, cháu Kim A đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tại phiên tòa, chị Th tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con với lý do: chị có thu nhập ổn định từ việc kinh doanh, chị có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng các con. Do đó Tòa án không buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con].

[Về tài sản chung và công nợ chung: chị Th, anh S đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét].

[5] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu, phân tích các tình tiết của vụ án và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn].

[Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật].

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.**

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Lê Văn S.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Công V, sinh ngày 28/10/2010 và cháu Lê Kim A, sinh ngày 21/6/2015 cho chị Trần Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu Lê Công V, cháu Lê Kim A đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn S không phải cấp dưỡng cho cháu Lê Công V, cháu Lê Kim A.

Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000573 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố N, tỉnh Ninh Bình; chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 11/9/2017.

Anh Lê Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP.Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.N;
- UBND phường Đ(để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TAND TP. Ninh Bình.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Phượng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Phượng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*





